

BẢN CHẤT VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

C.S. SONG THÀNH

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh mang bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin

Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành trên nền tảng thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác- Lênin, thuộc hệ tư tưởng Mác- Lênin, do đó mang bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác- Lênin.

1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ tư tưởng khoa học

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự tích hợp tinh hoa trí tuệ của dân tộc và nhân loại (Đông và Tây), trong đó nội dung cốt lõi là Chủ nghĩa Mác- Lê Nin- một học thuyết kết tinh thành tựu khoa học của nhân loại ở thời kỳ cận đại.

Tư tưởng Hồ Chí Minh đồng thời cũng là sự tổng kết kinh nghiệm đấu tranh và thắng lợi của các phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân Việt Nam, đặc biệt từ khi có Đảng. Từ thực tiễn, Hồ Chí Minh đúc kết thành lý luận, rồi lại dựa vào thực tiễn cách mạng để kiểm nghiệm lý luận, do đó nó là một tư tưởng khoa học.

Tư tưởng Hồ Chí Minh có giá trị khoa học vì đã phản ánh được những vấn đề thuộc về bản chất và quy luật của cách mạng Việt Nam từ độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhiều mệnh đề lý luận của Hồ Chí Minh có giá trị khái quát như một chân lý khoa học:

“Không có gì quý hơn độc lập tự do”,

“Chủ nghĩa thực dân là con đĩa 2 vôi”,

“Muốn giải phóng, các dân tộc thuộc địa chỉ có thể trông cậy vào bản thân mình”, “phải đem sức ra mà giải phóng cho ta”,

“Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước”,

“Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Trong xã hội không gì vẻ vang, tốt đẹp bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân... Có dân là có tất cả”,

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”,

“Đạo đức là cái gốc của người cách mạng”,

“Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”,

“Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân”. “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”. “Thực hành dân chủ là cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”,

“Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, v.v...

Có thể nói: đó là những mệnh đề chứa đựng những chân lý phổ biến, có giá trị vĩnh hằng, được diễn đạt giản dị nhưng súc tích như những châm ngôn, góp phần làm phong phú thêm cho lý luận Mác- Lênin. Vì vậy, tư tưởng

Hồ Chí Minh đã trở thành tài sản tinh thần vô giá của dân tộc và thuộc về kho báu của nhân loại.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một học thuyết cách mạng

Tư tưởng Hồ Chí Minh ra đời không phải như là sản phẩm suy nghiệm chủ quan của một nhà hiền triết mà từ yêu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam nhằm giải đáp những vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra trong thế kỷ 20: giải phóng dân tộc, phát triển đất nước, đem lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Đó là một học thuyết cách mạng.

Sau khi tìm tòi, xác lập được con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã "trở về nước, đi vào quần chúng, tuyên truyền họ, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đưa họ ra đấu tranh". Tư tưởng Hồ Chí Minh hướng vào hành động cải tạo xã hội, cải tạo con người, đổi đời cho dân tộc, "biến người nô lệ thành người tự do".

Từ đó, Người bắt tay vào mở lớp huấn luyện, đào tạo những hạt giống cho cách mạng theo một đường lối mới, một phương pháp cách mạng mới, đưa họ vào rèn luyện, thử thách trong đấu tranh.

Người lập ra các tổ chức cách mạng, từ thấp đến cao: từ Hội Việt Nam thanh niên cách mạng đến Đảng Cộng sản Việt Nam; từ các hội cứu quốc có tính chất quần chúng ở địa phương đến Mặt trận Việt Minh toàn quốc,... Trên cơ sở đó, Người đưa đường lối và phương pháp cách mạng mới thâm nhập vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, biến tư tưởng thành sức mạnh vật chất, đưa cách mạng đến thành công, kháng chiến đến thắng lợi, từng bước mở mang đất nước và nâng cao đời sống của nhân dân.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh có những đặc điểm riêng

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự tích hợp tinh hoa tư tưởng dân tộc và nhân loại, Đông và Tây

Tích hợp (intégration), hiểu theo ý nghĩa triết học, có nghĩa là du nhập có chọn lọc những giá trị văn hoá tinh thần từ bên ngoài vào một thể nguyên bên trong, nhưng vẫn giữ được bản sắc riêng trong sự tôn trọng những giá trị chung của nhân loại.

Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình

nhà nho nghèo nguồn gốc nông dân. Ra nước ngoài tìm đường cứu nước, Người làm việc của một công nhân, một thủy thủ, rồi ra sức học tập, từng bước trở thành một trí thức lớn, thông thạo nhiều ngoại ngữ. Trong 30 năm sống và làm việc ở nước ngoài, Người đã đi qua bốn châu lục, đặt chân lên khoảng 30 nước, cả đế quốc và thuộc địa, nên có điều kiện tiếp xúc với nhiều nền văn hoá lớn của nhân loại, do đó Người được coi là biểu tượng sinh động của sự tích hợp văn hoá Đông- Tây.

Sở dĩ Hồ Chí Minh đã tích hợp thành công, bởi Người vốn thấm nhuần sâu sắc những giá trị của văn hoá Việt Nam. Khi còn ở trong nước, Nguyễn Tất Thành đã được trang bị một nền Quốc học và Hán học vững chắc. Anh đã từng đọc *Đại đồng thư* trong *Lễ ký* trước khi biết đến chủ nghĩa cộng sản ở Châu Âu; đã nắm được tư tưởng "an dân, trị quốc", "dân vi bản, dân vi quý" của Nho giáo trước khi đến với tư tưởng dân chủ, nhân quyền, pháp quyền của các nhà tư tưởng khai sáng thế kỷ 18 ở phương Tây. Anh đã nắm được tinh thần "phá chấp" của Phật giáo (phá cái "chấp nê", chỉ biết tu theo một thứ mà không biết cải hoá, bổ sung những cái mới) và tinh thần "nhật nhật tân" của Nho giáo; vì vậy, sau khi tiếp cận lý tưởng "tự do, bình đẳng, bác ái" của cách mạng Pháp, Người lại đến với Lênin và "ngộ" ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Khi về đến Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc vẫn tìm hiểu thêm Chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn, vì tìm thấy trong đó "những điều thích hợp với hoàn cảnh Việt Nam".

Nhờ có tinh thần khoan dung, không cố chấp, không biệt phái, nên Hồ Chí Minh rất khác với các nhà nho thuần tuý, cũng đọc sách Thánh hiền nhưng Người không câu nệ vào câu chữ kinh điển Nho gia, mà biết nắm lấy cái tinh thần, cái cốt lõi, rồi biến đổi, cải hoá nó cho phù hợp với nhu cầu và truyền thống của văn hoá Việt Nam. Sống ở phương Tây hàng chục năm, có khả năng giao lưu với người nước ngoài bằng nhiều thứ tiếng, song khác với những "ông Tây An Nam", xa nước ba mươi năm, một câu Kiều Người vẫn nhớ, yêu tiếng hát của M.Chevalier nhưng vẫn nuôi dưỡng tâm hồn mình bằng những câu dân ca, những điệu hò ví dặm...

Hồ Chí Minh đến với tư tưởng- văn hoá nhân loại, bao gồm cả với chủ nghĩa Mác-Lênin, trên tinh thần độc lập, tự chủ, luôn luôn xuất phát từ lập trường của một người dân nô lệ đi tìm đường cứu nước, cái gì phù hợp với nhu cầu cấp bách của sự nghiệp giải phóng dân tộc, canh tân đất nước, phù hợp với truyền thống văn hoá khoan dung, nhân ái Việt Nam, Người đều trân trọng học hỏi và tiếp thu. Lặn lội nhiều năm ở phương Tây, Hồ Chí Minh hiểu rõ cả hai mặt sáng và tối của văn minh phương Tây, nên đã đối diện với nó một cách đàng hoàng, không chút mặc cảm, tự ti.

Vì vậy, chúng ta thấy ở con người Hồ Chí Minh một phong cách hài hoà về nhiều mặt: vĩ đại mà bình thường, giản dị mà thâm thúy, nghiêm nghị mà hóm hỉnh, từ tư duy, diễn đạt đến cách ứng xử,... đều hài hoà, uyển chuyển, "giấu quốc tế mà đậm Việt Nam từng nét"... Không có gì ngạc nhiên khi thấy con người cách mạng đó vừa mặc quân phục Bát lộ quân, sau đó lại vừa có thể khoác áo cà sa của nhà chùa, có thể vừa đọc những bài tham luận sắc sảo tại các diễn đàn quốc tế lại vừa có thể đọc ngay một bài văn tế cầu hồn cho những nạn nhân bị bom Nhật sát hại. Là người cộng sản số một của Việt Nam nhưng Người biết tôn trọng đức tin của người có đạo, để tranh thủ khối đại đoàn kết dân tộc, Người đã không ngại ngần cùng với họ hô to: Thượng đế và Tổ quốc muôn năm!

Tấm gương tích hợp và tiếp biến văn hoá của Hồ Chí Minh trở thành tiêu biểu cho văn hoá khoan dung Việt Nam, có ý nghĩa phương pháp luận rất lớn đối với chúng ta, đặc biệt ở thời kỳ hội nhập, toàn cầu hoá hiện nay.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng- hành động, nói để làm

Hồ Chí Minh từng tuyên bố không có ý định trở thành một nhà lập thuyết. Trong cảnh mất nước nhà tan, đồng bào lâm than, điều đứng. Người ra đi khảo sát thời đại để tìm ra chân lý cho con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Cứu nước là phải hành động, muốn hành động phải có phương hướng, đường lối. "Không có lý luận cách mạng thì không có cách mạng vận động". Cứu nước là công việc khẩn trương, "phải hô to, làm chóng", không cho phép nói dài, viết dài, viết khó hiểu.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng,

mà quần chúng ở các nước thuộc địa thì 95% là thất học, mù chữ. Vậy phải nói và viết sao cho quần chúng hiểu được, hiểu được để làm được. Điều kiện lịch sử đó quy định cách viết của Hồ Chí Minh, quy định phong cách lý luận Hồ Chí Minh.

Nét đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh là những chân lý lớn của thời đại thường được Người diễn đạt một cách giản dị (mọi chân lý sau khi được nhận thức, khám phá đều giản dị). Chính bệnh sinh lý thuyết, bệnh hàn lâm là căn nguyên dẫn đến bệnh sách vở, bệnh giáo điều. Một hệ thống lý thuyết nếu diễn đạt rối rắm, khó hiểu, quần chúng không nhận thức được, không làm được, trước sau rồi cũng thất bại.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng hành động, nói để làm, nói ít, làm nhiều, làm được thì mới nói. Trong nội dung nói, Hồ Chí Minh thường đề cập đến những vấn đề cụ thể, thiết thực, những việc cấp bách đang đặt ra đối với dân tộc và đất nước. Mỗi câu nói thường chứa đựng trong đó cái nguyên lý của sự vận hành. Hình thức diễn đạt tư tưởng của Hồ Chí Minh cũng ngắn gọn, giản dị, dễ hiểu, không ưa lý thuyết một cách hàn lâm, uyên bác, càng xa lạ với thói tư biện, siêu hình. Ở Hồ Chí Minh, những tư tưởng lớn thường được diễn đạt ngắn gọn, súc tích, có hình ảnh, nhiều khi đúc lại như châm ngôn: "Nước lấy dân làm gốc", "Vi lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người". "Lý luận như cái tên, thực hành như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn cũng như không có tên". Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khoá để giữ gìn lấy dân chủ", v.v... Ai bảo đó không phải là những tư tưởng sâu sắc, thâm thúy?

Một số học giả phương Tây dựa vào phong cách lý luận Hồ Chí Minh, đã đưa ra nhận xét: Người không có tham vọng về lý luận mà thiên về hành động, đúng hơn, ông là nhà chính trị- thực tiễn, nhà triết học- hành động. Đúng là Hồ Chí Minh thiên về hành động mà hành động mới là điều khó nhất của nhà tư tưởng, bởi theo tổng kết của người xưa: trong mỗi thành công chỉ có 2 phần thuộc về quyết sách, còn 8 phần là nhờ ở hành động. Nếu quyết sách đưa ra nhiều mà tổ chức hành động ít hoặc hành động không có hiệu quả thì cũng vô nghĩa. Hồ Chí

Minh nói ít để làm nhiều, vừa làm vừa điều chỉnh theo biến động, phát triển của thực tiễn đời sống, nhờ đó mà cách mạng Việt Nam đã giành được thắng lợi.

Bài học thành công của Hồ Chí Minh là một bài học có giá trị phương pháp luận sâu sắc đối với chúng ta: cái đích cuối cùng cần đi tới không phải là lý thuyết mà là hành động; không phải là lời nói mà là việc làm.

2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh thấm nhuần sâu sắc tinh thần khoan dung nhân ái Việt Nam

Hồ Chí Minh là người cộng sản- một người cộng sản Việt Nam- đã thực hiện được sự kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị Á Đông với các giá trị phương Tây. Đi nhiều, hiểu rộng, biết mình, biết người, ở Hồ Chí Minh không hề có chút thoáng gợn nào của thói “kiêu ngạo cộng sản”; trái lại, Người có khả năng dung hoà uyển chuyển, biết truy tìm cái tương đồng, bảo lưu điều dị biệt. Kế thừa truyền thống khoan dung nhân ái Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn luôn có ứng xử mềm mỏng trong đối thoại về chính trị cũng như văn hoá, không bao giờ tỏ ra cứng nhắc, cực đoan.

Người từng nói: “Đạo đức phương Đông và phương Tây đều tán dương một triết lý: Kỳ sở bất dục, vật thi ư nhân”. (Trong kinh *Cửu ước* và *Tân ước* của Cơ đốc giáo cũng có một lời răn tương tự).

Trong phương pháp tư duy nói chung, trong giao tiếp, đối thoại quốc tế nói riêng, kể cả với đất nước của kẻ thù đang xâm lược nước ta, Hồ Chí Minh vẫn có cái nhìn phân biệt: lên án bọn thực dân, đế quốc hiếu chiến, nhưng yêu mến và trân trọng nhân dân yêu chuộng hoà bình, công lý và những giá trị trong nền văn hoá lâu đời của họ. Trong mỗi vấn đề, Người thường nhìn vào mặt ưu điểm, mặt tích cực, tìm ra cái hay, cái tốt để học, học kẻ thù để chiến thắng kẻ thù. Hồ Chí Minh hết sức xa lạ với lối tư duy phiến diện, cực đoan một thời chúng ta dễ mắc: cái gì của phe ta cũng tốt, cái gì của phe địch cũng xấu; địch chê ta, đó là ta đúng, nếu địch khen ta thì ta phải coi chừng!

Vì vậy, người Cộng sản Hồ Chí Minh, ngay trong khi đang phải chiến đấu chống lại bọn thực dân xâm lược Pháp, vẫn không ngần ngại ca ngợi truyền thống văn hoá dân chủ, tiến bộ Pháp, biết dùng văn hoá của đối phương để chiến thắng đối phương. Hồ Chí Minh từng nói

về những đức tính tốt của người Pháp như sau: “Nói chung, những người Pháp đều yêu chuộng đức lành như Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Phần đông người Pháp có tính hào hiệp... Thấy việc phải thì họ làm, không quản mất công, tốn của. Họ đã cho là trái thì dù là anh em ruột thịt họ cũng phản đối đến cùng. Họ đã nhận là phải thì dù là người dung, nước lã, thì họ cũng hết sức giúp giùm... Người Pháp lại vui tính, dễ làm quen. Nói dăm ba câu chuyện mà ý hợp tâm đầu thì liền trở nên bạn tốt”².

Trong thư gửi Giêm Biêcơ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ năm 1945, Hồ Chí Minh bày tỏ ý muốn được gửi 50 thanh niên Việt Nam sang Mỹ để học hỏi về kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác. Người “mong muốn tạo được mối quan hệ với nhân dân Mỹ là những người mà lập trường cao quý đối với những ý tưởng cao thượng về công lý và nhân bản quốc tế cùng những thành tựu kỹ thuật hiện đại... đã có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với giới trí thức Việt Nam”³.

Tiêu biểu nhất cho tinh thần khoan dung văn hoá Hồ Chí Minh phải kể đến việc Người đã không chút e ngại khi trích dẫn hai bản Tuyên ngôn Độc lập 1776 của Hoa Kỳ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1793 của Cộng hoà Pháp làm lời mở đầu cho bản Tuyên ngôn Độc lập 1945 của Việt Nam, khẳng định đó là những chân lý bất hủ, “những lời lẽ phải không ai chối cãi được”. Hồ Chí Minh trân trọng mọi giá trị văn hoá của nhân loại, không chút kỳ thị, biệt phái. Đó chính là tư duy cần có ở thời kỳ mở cửa, hội nhập, toàn cầu hoá hiện nay.

2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh không phải nhất thành bất biến, mà không ngừng được bổ sung và phát triển

Như trên đã trình bày, tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của thực tiễn dân tộc và thời đại, nên tư tưởng Hồ Chí Minh cũng không đứng yên một chỗ mà thường xuyên được sự bổ sung, đổi mới và phát triển cùng với sự đổi mới và phát triển của cuộc sống.

Khi sống và làm việc ở Paris, Nguyễn Ái Quốc đã có thể đọc trực tiếp các tác phẩm của Voltaire, Rousseau, Montesquieu,... những lý luận gia đã đặt nền tảng tư tưởng cho sự bùng

nổ của cách mạng tư sản Pháp, qua đó Người đã tiếp nhận được các tư tưởng dân quyền, nhân quyền, pháp quyền... và vận dụng nó vào cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ tối thiểu cho nhân dân ta cũng như đã dùng nó để phê phán tội ác của bọn quan lại, thống sứ, toàn quyền thực dân ở thuộc địa, những kẻ đã phản bội lý tưởng “tự do, bình đẳng, bác ái” của cách mạng dân chủ tư sản Pháp.

Trên hành trình đi tìm chân lý, anh Thành đã từng đặt chân lên nước Mỹ, đã đến ngắm tượng Thần Tự do, viếng mộ Abraham Lincoln và tìm hiểu lý tưởng của ông về một “nhà nước của dân, do dân, vì dân” khắc trên lăng mộ. Cũng tại Mỹ, anh Thành đã được biết đến bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ, đề cao các quyền bất khả xâm phạm của con người, trong đó “có quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc”. Sau khi về hoạt động ở Quảng Châu (Trung Quốc), Người đã nghiên cứu và tiếp thu những nội dung hợp lý trong chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên. Những điều nói trên cho thấy: trên hành trình đi tìm chân lý, với tư duy rộng mở, không chút thiên cận, hẹp hòi, Hồ Chí Minh đã biết làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của nhân loại, biết gạn lọc, thu hái, tích hợp những hạt nhân hợp lý, làm phong phú thêm tư tưởng của mình, để từ tầm cao của trí tuệ thời đại mà suy nghĩ vận dụng, đổi mới và phát triển.

Tư duy Hồ Chí Minh là tư duy rộng mở để thấu hoá nên Người cũng luôn luôn biết tự điều chỉnh, tự hoàn thiện, bởi không có nguyên lý nào là cố định, bất biến, ngay cả các nguyên lý của khoa học tự nhiên. Theo A.Einstein, “tất cả đều là tương đối”, thế giới vật chất không ngừng biến đổi theo. Trong khoa học xã hội càng như vậy. Bi kịch của con người là ở chỗ nhận thức thường bảo thủ, lạc hậu hơn thực tế, vì vậy mà đã có không ít nhà khoa học, như Galilê, Brunô,... bị lên giàn hoả thiêu vì đã dám chống lại những tín điều của giáo hội Trung cổ về thuyết địa tâm.

Hồ Chí Minh luôn luôn đặt tư duy của mình trong dòng chảy của thời đại, lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn cao nhất của chân lý, nên đối với những nhận thức ban đầu chưa thật chính xác, Hồ Chí Minh đã không ngần ngại điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tế.

Năm 1923, trong bài “Cuộc kháng chiến”, Nguyễn Ái Quốc viết: “Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”⁴. Lúc này, Nguyễn Ái Quốc còn ở Pháp, đang ở thời kỳ đầu tiếp cận với quan điểm của Quốc tế Cộng sản.

Sau khi về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng, tại Hội nghị Trung ương 8 (5/1941), Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng ta đã thay đổi quan điểm, đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên trước, có giải phóng dân tộc mới giải phóng được giai cấp, vì “nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”⁵.

Về vấn đề chính quyền, năm 1930, trong chính cương vắn tắt, Nguyễn Ái Quốc nêu mục tiêu “Dựng ra chính quyền công nông binh”. Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng ta tại Hội nghị Trung ương 8 lại chủ trương “không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xô Viết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hiệp và lập chính phủ dân chủ cộng hoà”... “Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc”⁶.

Cũng như vậy, Người đã tự điều chỉnh quan niệm của mình về thời kỳ quá độ, về quan điểm “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội”, về đề cao những kinh nghiệm hợp tác hoá nông nghiệp và công xã nhân dân của Trung Quốc, v.v... Từ đó, Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ, điều tra kỹ càng, phải thông thuộc lịch sử, địa lý và con người Việt Nam để tìm ra cách làm riêng của ta. Hồ Chí Minh từng nói: “Làm trái với Liên Xô, đó cũng là Mác-Xít”⁷.

Không phải chỉ tự điều chỉnh những luận điểm về cách mạng Việt Nam mà Hồ Chí Minh còn điều chỉnh nhiều luận điểm lý luận của Xtalin và Quốc tế Cộng sản cho phù hợp với thực tế Việt Nam, có khi còn phải làm ngược lại, nhờ đó mà cách mạng Việt Nam đã giành thắng lợi.

Ví như, Quốc tế Cộng sản thường nhấn

manh đấu tranh giai cấp, Hồ Chí Minh lại nhấn mạnh đại đoàn kết dân tộc, coi "Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn" ở các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập, tự do.

Quốc tế Cộng sản và cả Lênin cũng cho rằng, thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. Khi nào giai cấp vô sản lật đổ được nền thống trị của giai cấp tư sản ở Châu Âu thì các thuộc địa sẽ được giải phóng; trái lại, do nhận thức được thuộc địa là khâu yếu trong hệ thống của chủ nghĩa đế quốc; do đánh giá đúng đắn sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, Nguyễn Ái Quốc cho rằng: Cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể chủ động giành thắng lợi trước và bằng thắng lợi đó giúp cho anh em vô sản ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

Năm 1928, Xtalin khi nói về cách mạng dân tộc- dân chủ ở Trung Quốc đã chỉ rõ: Hai nhiệm vụ phản đế và phản phong của cuộc cách mạng đó có quan hệ khăng khít với nhau, do đó phải được tiến hành song song, đồng thời, không có cái trước, cái sau; Hồ Chí Minh và Đảng ta lại coi giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu; phải tập trung giải quyết trước, còn vấn đề ruộng đất (phản phong) cũng phải thực hiện, nhưng làm từng bước và phải phục tùng nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Vì vậy, ban đầu Đảng ta chưa chủ trương tiến hành cải cách ruộng đất ngay trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Do đó, Hồ Chí Minh đã từng bị Quốc tế Cộng sản phê phán là hữu khuynh, dân tộc chủ nghĩa!

Điều đó cho thấy, những người tiên phong có tư duy đi trước thời đại không phải ngay từ

đầu đã được đánh giá đúng đắn. Có thể, đó cũng là lý do để một nhà khoa học Mỹ đưa ra nhận xét: "Phải chăng Hồ Chí Minh là nạn nhân của những tư tưởng đúng được đưa ra vào thời điểm sai?"⁸.

Hồ Chí Minh đến với Chủ nghĩa Mác- Lênin, tìm thấy con đường đúng đắn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nhưng chủ nghĩa Mác- Lênin là một học thuyết cách mạng rộng lớn: Giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng loài người. Xuất phát từ nhu cầu đấu tranh giải phóng dân tộc, Người biết lựa chọn trong đó những vấn đề cần thiết cho giai đoạn trước mắt của cách mạng Việt Nam, phù hợp với truyền thống văn hoá và con người Việt Nam. Hồ Chí Minh đã dùng lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác- Lênin, phân tích đặc điểm của xã hội Việt Nam để đề ra đường lối chiến lược, sách lược cho cách mạng Việt Nam từ độc lập dân tộc lên chủ nghĩa xã hội./.

Đ.T

Chú thích:

- 1- *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr. 490.
- 2, 3- *Hồ Chí Minh toàn tập*, sđd, t.4, tr. 410 - 411.
- 4- *Hồ Chí Minh toàn tập*, sđd, t.1, tr. 416.
- 5, 6- *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.7, tr. 113- 114.
- 7- *Hồ Chí Minh- Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.5, tr. 539.
- 8- Muller Helen Magrire, "Hồ Chí Minh và những chân lý không hề chối cãi được", In trong sách: *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh- Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990.

SONG THÀNH: NATURE AND CHARACTERISTICS OF HỒ CHÍ MINH'S IDEOLOGY

The paper determines Hồ Chí Minh's ideology has both scientific and revolutionary characteristics of Marxist and Leninist, and special elements such as the quintessence integration of the nation and the world, East and West; ideology and action, speaking and action, richness in tolerance, everlasting updates and developments.